|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh,**

**nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh,**

**quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-BCA ngày / 4/2023 của Bộ Công an về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh*

*của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh,*

*cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (dự thảo Luật). Bộ Công an thuyết minh về các nội dung của dự thảo Luật như sau:

**I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG LUẬT**

***1.1. Xuất phát từ yêu cầu tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện quy định về việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử***

- Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Theo đó đã xác định công tác cải cách hành chính phải được tiến hành một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Để triển khai thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, ngày 25/12/2021 Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 10695/QĐ-BCA Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an năm 2022; theo đó, Bộ Công an sẽ triển khai thực hiện các thủ tục hành chính ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. Qua nghiên cứu, rà soát, Bộ Công an thấy để đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ở mức độ 4 cần sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam như các thủ tục: đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, trình báo mất hộ chiếu phổ thông, khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông.

- Ngày 30/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1015/QĐ-TTg phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; theo đó trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh có thủ tục trình báo mất hộ chiếu phổ thông sẽ được phân cấp giải quyết từ cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh về Công an cấp tỉnh, từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện, từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã. Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân cho phù hợp.

- Ngày 28/7/2022, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an; theo đó, bãi bỏ quy định nộp bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất và bãi bỏ quy định nộp Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi.

***1.2. Xuất phát từ việc tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; và đồng bộ thống nhất của hệ thống pháp luật***

- Ngày 15/11/2022, tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 76/2022/QH15, theo đó, Quốc hội “đồng ý bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam, đồng thời giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện; khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn”. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng bổ sung thông tin về nơi sinh là thông tin cơ bản trong giấy tờ xuất nhập cảnh là cần thiết.

- Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46).Như vậy cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì. Việc này không phù hợp với của trương của Đảng, cụ thể tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nêu rõ: “Khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính” (tiết 2.2 mục 2 Phần III Nghị quyết). Do đó cần phải điều chỉnh lại, theo hướng chỉ một Bộ chủ trì.

Theo quy định của Luật Cư trú và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cư trú và xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Công tác tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là một trong những nội dung của công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Bộ Công an là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các hiệp định, thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, như: tổ chức xác minh, cấp giấy tờ đi lại, thực hiện tiếp nhận công dân khi nước ngoài trao trả… Do đó, nếu giao cho Bộ Ngoại giao đề xuất đàm phán ký kết, Bộ Công an tổ chức thực hiện sẽ thiếu tính thống nhất và không bám sát được thực tiễn.

Về việc thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, trên thực tế Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ thực hiện công tác bảo hộ trong giai đoạn công dân đang bị tố tụng (bị bắt giữ, xét xử), sau khi đã có quyết định xét xử, trục xuất của cơ quan chức năng nước ngoài thì việc xác minh, tổ chức tiếp nhận công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất hoàn toàn do các cơ quan chức năng của Bộ Công an thực hiện.

Trên thực thế, gần đây Bộ Công an đã chủ trì đàm phán 03 thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; kết quả đàm phán đảm bảo đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.

Từ những lý do nêu trên cho thấy việc quy định giao cho Bộ Công an chủ trì thực hiện đàm phán, ký kết điều ước quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là phù hợp với phạm vi chức năng của Bộ Công an, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Thời gian qua, tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hẹn nhận kết quả nhưng không đến nhận hộ chiếu (những trường hợp này không đề nghị trả hộ chiếu qua dịch vụ bưu chính công ích) dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác trả hộ chiếu cho công dân, cũng như việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân mà không đến nhận. Do vậy, cần nghiên cứu bổ sung quy định về việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông (Điều 27) đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận kết quả để đảm bảo hiệu quả công tác cấp giấy tờ xuất nhập cảnh nói riêng, công tác quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam nói chung.

- Tại khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định “Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên trở lên từ cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” thuộc diện đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao. Như vây, chức vụ Phó Tùy viên Quốc phòng ở cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao. Theo khoản 1, khoản 2 mục D Chương II Thông tư liên tịch số 623/2006/TTLT/BNG-BQP-BCA ngày 08/6/2006 của liên Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định “Chức vụ ngoại giao của Phó Tùy viên Quốc phòng tương đương Bí thư thứ nhất” (là cấp hàm ngoại giao được cấp hộ chiếu ngoại giao).

- Việc cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn theo Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam hiện nay có một số vướng mắc, đó là đối tượng được cấp hộ chiếu rút gọn rất hẹp, không bao hàm nhiều diện đối tượng không mang hộ chiếu mà cần về nước ngay như người không được phía nước ngoài cho cư trú không theo Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế, nạn nhân mua bán người; ngư dân, người có nhu cầu khẩn cấp cần được về Việt Nam gấp...

***1.3. Xuất phát từ yêu cầu tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của Việt Nam trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội***

- Năm 2020, 2021 đại dịch Covid-19 với những làn sóng lây nhiễm trên toàn thế giới đã dẫn đến đời sống kinh tế xã hội ở hầu hết các quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các nước trên thế giới đều đưa ra các biện pháp ứng phó, hạn chế tác hại của dịch bệnh, trong đó ưu tiên hạn chế nhập cảnh, đóng cửa biên giới, tăng cường kiểm tra, phát hiện xử lý người nước ngoài nhập cảnh, cư trú trái phép. Đối với nước ta, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị liên quan đến chính sách xuất nhập cảnh, từng bước siết chặt nhập cảnh để kiềm chế dịch bệnh; do vậy, số lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam giai đoạn này đã giảm sâu so với năm 2019 (năm 2020 giảm 75% so với năm 2019, năm 2021 giảm gần 90% so với năm 2020). Năm 2022, Việt Nam và đa số các nước trên thế giới đã bắt đầu khôi phục hoạt động xuất nhập cảnh; tuy nhiên, Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách “Zero Covid” và xung đột quân sự Nga - Ucraina tiếp diễn phức tạp nên lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam tuy tăng cao so với cùng kỳ năm 2021 nhưng chỉ bằng 32,6% so với năm 2019 (thời điểm trước dịch Covid-19). Tình hình trên đã hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch, kinh doanh, thương mại và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phục hồi kinh tế - xã hội. Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 đã nêu nhiệm vụ, giải pháp “tiếp tục hoàn thiện chính sách thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế”. Theo đó, lãnh đạo Chính phủ đã có các chỉ đạo quyết liệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thu hút hơn nữa người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan “khẩn trương nghiên cứu, đánh giá, đề xuất sửa đổi quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp gần nhất để tạo điều kiện thuận lợi hơn về thủ tục, thời gian, số lượt nhập cảnh, số ngày lưu trú tại Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế”[[1]](#footnote-1); “tăng cường giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến quy trình, cải cách thủ tục hành chính liên quan việc cấp thị thực; rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các chính sách về thị thực để tạo thuận lợi khách du lịch nhập cảnh”[[2]](#footnote-2).Bên cạnh đó, sau khi Việt Nam mở lại hoàn toàn các hoạt động đón khách quốc tế, số lượng người nước ngoài đến Việt Nam có tăng theo từng tháng nhưng không đạt được mục tiêu đón 5 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2022 của ngành du lịch. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam, Hiệp hội thương mại, doanh nghiệp nước ngoài (EuroCham, AmCham Việt Nam); Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF); các Hiệp hội, cơ quan chức năng về du lịch, nhất là Hội đồng tư vấn du lịch (TAB) và Ban Nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV) nhiều lần kiến nghị về việc nâng thời hạn tạm trú đối với người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài… vào Việt Nam nhằmgóp phần thúc đẩy du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 là cần thiết.

***1.4. Xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội***

- Những năm qua, thực hiện định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chính sách về pháp luật xuất nhập cảnh của Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình trạng người nước ngoài vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú ngày càng diễn biến phức tạp và tinh vi, tình hình người nước ngoài vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có chiều hướng gia tăng, tập trung vào một số hành vi: giả mạo hồ sơ xin cấp Giấy phép lao động hoặc núp bóng nhà đầu tư để hợp thức hóa việc xin cấp giấy tờ cư trú dài hạn và ở lại Việt Nam hoạt động trái phép; làm giả thẻ tạm trú cho người nước ngoài để cư trú trái phép; sử dụng chứng nhận tạm trú quá thời hạn; hành nghề hoặc có hoạt động khác tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền…

- Từ tháng 3/2022, sau khi Chính phủ khôi phục các chính sách về thị thực của Việt Nam như trước khi dịch Covid-19, đã có 712.130 lượt người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực điện tử, bằng 165,6% lượt người nước ngoài nhập cảnh bằng các thị thực khác (429.914 lượt người), do vậy việc đề xuất áp dụng chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam được dự báo sẽ thúc đẩy số lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam bằng thị thực điện tử tăng cao; trong khi đó, theo quy định, người nước ngoài nhập cảnh bằng thị thực điện tử không có cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh nên có thể gây khó khăn trong công tác quản lý cư trú và xử lý vi phạm.

Do vậy, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Namđể nhằm tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử;tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh,công dân Việt Nam trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý xuất nhập cảnh, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tình hình hiện nay.

**2. Mục tiêu xây dựng Luật**

- Mục tiêu tổng thể: Việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế,tiếp tục thực hiệncải cách hành chính nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam và người nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh nhằm ngoài góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đáp ứng yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam và người nước ngoài khi làm các thủ tục về xuất nhập cảnh;

+ Đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản các thủ tục theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể trình tự, thủ tục liên quan đến việc cấp giấy tờ xuất nhập cảnh;

+ Hoàn thiện hành lang pháp lý, đảm bảo thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở cấp độ 4.

+ Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

**3. Tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên**

Nội dung của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA LUẬT, LÝ DO, MỤC ĐÍCH SỬA ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT**

***2.1. Đối với quy định sửa đổi của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam***

*a) Các quy định sửa đổi để cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện quy định về việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trên môi trường điện tử*

- Theo quy định của khoản 1 Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì công dân Việt Nam muốn đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông phải trực tiếp đến Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để làm thủ tục, mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. Điều này đã dẫn đến những khó khăn khi triển khai thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân ở dịch vụ công mức độ 4.

Ngoài ra, Điều 15 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định: khi làm thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông, công dân Việt Nam phải nộp kèm theo bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi; bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất. Hiện nay, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có thể khai thác một phần thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu của Bộ Tư pháp nên việc yêu cầu công dân phải nộp các giấy tờ này là không cần thiết, gây phiền hà cho người dân.

Để khắc phục tình trạng này, dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 15 (sửa đổi 01 khoản, bổ sung một khoản), Điều 16 (sửa đổi 01 khoản, bổ sung 01 khoản), Điều 32 (sửa đổi 01 khoản) Luật số 49; cụ thể như sau:

*“****3.*** ***Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau****:*

*a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:*

*“2. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm:*

*a) Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất còn giá trị sử dụng đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu còn giá trị sử dụng bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này;*

*b) Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.”.*

*b) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:*

*“9. Người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh hoặc nộp hồ sơ trên môi trường điện tử.”.*

***4. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:***

*a) Sửa đổi khoản 1 như sau:*

*“1. Người đề nghị cấp hộ chiếu nộp tờ khai theo mẫu đã điền đầy đủ thông tin, 02 ảnh chân dung, giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 1a Điều này và xuất trình hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.*

*Trường hợp không có hộ chiếu Việt Nam, giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thì xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ làm căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch.”.*

*b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:*

*“1a. Giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài gồm:*

*a) Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;*

*b) Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu bị mất phải kèm đơn báo mất hoặc thông báo về việc đã tiếp nhận đơn của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 28 của Luật này;*

*c) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất;*

*d) Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.*

***9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:***

*“2. Người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu điền đầy đủ thông tin vào tờ khai theo mẫu kèm theo hộ chiếu và nộp trực tiếp tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh hoặc trên môi trường điện tử.”.*

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh nơi thuận lợi, cơ quan Công an nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi mà chưa quy định về hình thức, trình tự và thủ tục thực hiện báo mất hộ chiếu phổ thông qua giao dịch điện tử. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, nhằm tạo thuận lợi cho công dân khi trình báo mất hộ chiếu phổ thông thì thủ tục này cần được phân cấp giải quyết từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an về Công an cấp tỉnh, từ Công an cấp tỉnh về Công an cấp huyện, từ Công an cấp huyện về Công an cấp xã.

Dự thảo Luật đã sửa đổi khoản 2 Điều 28 như sau:

***“2. Việc hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông được quy định như sau:***

*a) Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện hộ chiếu phổ thông bị mất, người bị mất hộ chiếu trực tiếp nộp hoặc gửi đơn báo mất theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận lợi hoặc Công an cấp huyện, cấp xã nơi gần nhất hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi thuận lợi hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, thời hạn nộp hoặc gửi đơn báo mất có thể dài hơn nhưng trong đơn phải giải thích cụ thể về lý do bất khả kháng;*

*b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn báo mất hộ chiếu phổ thông, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thông báo theo mẫu cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và người gửi đơn. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thực hiện hủy giá trị sử dụng hộ chiếu.”.*

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì người đề nghị khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông trực tiếp nộp tờ khai và hộ chiếu tại cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi. Để tạo điều kiện thuận lợi công dân trong việc thực hiện đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông qua giao dịch điện tử cần nghiên cứu, bổ sung quy định này vào Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

*b) Các quy định sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc xin thị thực nhập cảnh nước ngoài, cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam; bảo đảm đồng bộ thống nhất của hệ thống pháp luật*

- Theo quy định của khoản 3 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam thì thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm: ảnh chân dung; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch, ký hiệu, số giấy tờ xuất nhập cảnh; ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; ngày, tháng, năm hết hạn; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân, mà không có thông tin về “nơi sinh”. Điều này đã dẫn đến sự phản ứng từ phía nước ngoài, từ chối cấp thị thực vào hộ chiếu mẫu mới, gây khó khăn cho công dân ta khi xuất nhập cảnh, tạo dư luận không tốt. Ngày 15/11/2022, tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 76/2022/QH15 đồng ý bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam và giao Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để triển khai thực hiện.

Dự thảo Luật đã sửa đổi một khoản của Điều 6 và một điểm tại Điều 41 Luật số 49, cụ thể như sau:

*“****1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:***

*“3. Thông tin trên giấy tờ xuất nhập cảnh gồm: ảnh chân dung; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; quốc tịch; ký hiệu, số giấy tờ xuất nhập cảnh; ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; ngày, tháng, năm hết hạn; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; chức vụ, chức danh đối với hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ phù hợp với yêu cầu đối ngoại.”.*

***10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 41 như sau:***

*“b) Nơi sinh; ngày, tháng, năm sinh;”.*

- Hiện nay, có tình trạng công dân đề nghị cấp hộ chiếu khi đến hẹn nhận kết quả nhưng không trực tiếp đến nhận hộ chiếu (những trường hợpnày không đề nghị trả hộ chiếu qua dịch vụ bưu chính công ích) dẫn đếnnhiều khó khăn trong công tác trả hộ chiếu cho công dân, cũng như việc quản lý hộ chiếu đã cấp cho công dân mà không đến nhận. Để khắc phục tình trạng này, dự thảo Luật đã sửa đổi một khoản của Điều 27 Luật số 49, cụ thể như sau:

***7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:***

*“1. Hủy giá trị sử dụng hộ chiếu còn thời hạn bị mất hoặc đối với trường hợp đã quá 12 tháng kể từ ngày hẹn nhận kết quả đề nghị cấp hộ chiếu mà không đến nhận hộ chiếu.”.*

- Việc cấp hộ chiếu theo thủ tục rút gọn theo Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam hiện nay có một số vướng mắc, đó là đối tượng được cấp hộ chiếu rút gọn rất hẹp, không bao hàm nhiều diện đối tượng không mang hộ chiếu mà cần về nước ngay như người không được phía nước ngoài cho cư trú không theo Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế, nạn nhân mua bán người; ngư dân, người có nhu cầu khẩn cấp cần được về Việt Nam gấp...

Để khắc phục tình trạng này, dự thảo Luật một khoản tại Điều 17, một khoản tại Điều 18 Luật số 49; cụ thể như sau:

***5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:***

*“Người không được phía nước ngoài cho cư trú nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân.”*

***6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:***

*“2. Cấp hộ chiếu cho người không được phía nước ngoài cho cư trú nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân được quy định như sau:*

*a) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận đề nghị từ cơ quan có thẩm quyền nước sở tại hoặc từ người không được nước ngoài cho cư trú, hồ sơ kèm 02 ảnh chân dung của người không được nước ngoài cho cư trú;*

*b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại hoặc của người không được nước ngoài cho cư trú, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi thông tin của người cần được cấp hộ chiếu theo mẫu về cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an;*

*c) Đối với trường hợp vì lý do nhân đạo, khẩn cấp, nếu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có đủ cơ sở xác định nhân thân, quốc tịch của người đề nghị cấp hộ chiếu, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thể xem xét cấp hộ chiếu và phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để phối hợp tiếp nhận, quản lý công dân khi về nước;*

*d) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp hộ chiếu phổ thông có thời hạn theo thông báo của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.”*

- Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46).Như vậy cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì. Việc này không phù hợp với của trương của Đảng, cụ thể tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nêu rõ: “Khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính” (tiết 2.2 mục 2 Phần III Nghị quyết). Do đó cần phải điều chỉnh lại, theo hướng chỉ một Bộ chủ trì.

Theo quy định của Luật Cư trú và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cư trú và xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Công tác tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là một trong những nội dung của công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Bộ Công an là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các hiệp định, thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, như: tổ chức xác minh, cấp giấy tờ đi lại, thực hiện tiếp nhận công dân khi nước ngoài trao trả… Do đó, nếu giao cho Bộ Ngoại giao đề xuất đàm phán ký kết, Bộ Công an tổ chức thực hiện sẽ thiếu tính thống nhất và không bám sát được thực tiễn.

Về việc thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, trên thực tế Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ thực hiện công tác bảo hộ trong giai đoạn công dân đang bị tố tụng (bị bắt giữ, xét xử), sau khi đã có quyết định xét xử, trục xuất của cơ quan chức năng nước ngoài thì việc xác minh, tổ chức tiếp nhận công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất hoàn toàn do các cơ quan chức năng của Bộ Công an thực hiện.

Trong các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam đã ký kết đều quy định Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) là đầu mối thực hiện. Nhận trở lại công dân là một hoạt động trong công tác phòng, chống đưa người di cư trái phép. Qua nghiên cứu, nhận thấy hầu hết các quốc gia thành viên Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đều chỉ định các đơn vị An ninh, Cảnh sát là cơ quan đầu mối trao đổi thông tin. Trên thực thế, gần đây Bộ Công an đã chủ trì đàm phán 03 thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; kết quả đàm phán đảm bảo đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.

Để khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành nêu trên, dự thảo Luật sửa đổi 01 khoản tại Điều 45, một khoản tại Điều 46 Luật số 49, cụ thể như sau:

***11. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 45 như sau:***

*“10. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao đề xuất cấp có thẩm quyền việc đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.”.*

***12. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 46 như sau:***

*“7. Phối hợp với Bộ Công an đề xuất cấp có thẩm quyền việc đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú.”.*

- Tại khoản 11 Điều 8 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định “Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên trở lên từ cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài” thuộc diện đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao. Như vây, chức vụ Phó Tùy viên Quốc phòng ở cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao. Theo khoản 1, khoản 2 mục D Chương II Thông tư liên tịch số 623/2006/TTLT/BNG-BQP-BCA ngày 08/6/2006 của liên Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định “Chức vụ ngoại giao của Phó Tùy viên Quốc phòng tương đương Bí thư thứ nhất” (là cấp hàm ngoại giao được cấp hộ chiếu ngoại giao).

Thực tiễn hoạt động đối ngoại quốc phòng, Phó Tùy viên Quốc phòng của các nước đều mang hàm ngoại giao (được cấp hộ chiếu ngoại giao), nằm trong danh sách ngoại giao đoàn tham gia các hoạt động ngoại giao tại địa bàn. Việc Phó Tùy viên Quốc phòng Việt Nam không được cấp hộ chiếu ngoại giao đồng nghĩa với việc không được thừa nhận có hàm ngoại giao để tham gia các hoạt động đối ngoại như Phó Tùy viên Quốc phòng các nước khác. Điều này gây khó khăn cho Phó Tùy viên Quốc phòng Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ đối ngoại Quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến vai trò, vị thế của Cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài.

Chính vì vậy, dự thảo Luật đã sửa đổi khoản 11 Điều 8, cụ thể như sau:

***“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 8 như sau:***

*“11. Người đang phục vụ trong ngành ngoại giao đã được phong hàm ngoại giao hoặc giữ chức vụ từ Tùy viên, Phó Tùy viên Quốc phòng trở lên tại cơ quan đại diện ngoại giao, phái đoàn thường trực tại các tổ chức quốc tế liên Chính phủ, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.”.*

***2.2. Đối với quy định sửa đổi của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam***

*a) Các quy định sửa đổi để tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam*

- Trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Chính phủ đã phải áp dụng nhiều chính sách hạn chế người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, do vậy từ năm 2020 đến nay, số lượng người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam đã giảmso với thời kỳ trước khi xảy ra dịch Covid-19. Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, Chính phủ đã đưa ra các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phục hồi kinh tế - xã hội. Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 đã nêu nhiệm vụ, giải pháp “tiếp tục hoàn thiện chính sách thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế”. Theo đó, lãnh đạo Chính phủ đã có các chỉ đạo quyết liệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thu hút hơn nữa người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan “khẩn trương nghiên cứu, đánh giá, đề xuất sửa đổi quy định pháp luật về xuất nhập cảnh, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp gần nhất để tạo điều kiện thuận lợi hơn về thủ tục, thời gian, số lượt nhập cảnh, số ngày lưu trú tại Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế”[[3]](#footnote-3); “tăng cường giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến quy trình, cải cách thủ tục hành chính liên quan việc cấp thị thực; rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các chính sách về thị thực để tạo thuận lợi khách du lịch nhập cảnh”.

Chính vì vậy, để thực hiện các yêu cầu nêu trên, dự thảo Luật đã sửa đổi Điều 7, Điều 9, Điều 19a Luật số 47 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 49) cụ thể như sau:

***1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:***

*“3. Thị thực có giá trị một lần hoặc nhiều lần; thị thực cấp cho trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có giá trị một lần.”.*

***2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:***

*a) Sửa đổi khoản 1 như sau:*

*“1. Thị thực ký hiệu SQ có thời hạn không quá 30 ngày.”.*

*b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:*

*“2. Thị thực ký hiệu HN, DL, EV có thời hạn không quá 03 tháng.”.*

***3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a như sau:***

*“****Điều 19a. Các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử***

***1.*** *Thực hiện chủ trương cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước, vùng lãnh thổ và giao Chính phủ quyết định danh sách cụ thể các nước, vùng lãnh thổ trên cơ sở có đi có lại, đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.*

***2.*** *Chính phủ quyết định danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.”.*

- Hiện nay, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Namquy định người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực được tạm trú 15 ngày và chưa có quy định cụ thể về việc cấp thị thực, gia hạn tạm trú cho người nước ngoài nhập cảnh theo diện đơn phương miễn thị thực nên có cách hiểu khác nhau trong triển khai thực hiện (do Luật chỉ quy định các trường hợp thị thực được chuyển đổi mục đích, chưa nêu rõ trường hợp nhập cảnh miễn thị thực đơn phương có được tiếp tục ở lại sau khi hết hạn tạm trú). Chình vì vậy, dự thảo Luật đã sửa đổi khoản 1 Điều 31 Luật số 47 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 49) cụ thể như sau:

***4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:***

*“c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 45 ngày và được xem xét giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này;”.*

*b) Các quy định sửa đổi để nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội*

Những năm qua, chính sách pháp luật xuất nhập cảnh của Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với việc tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh dự báo lượng người nước ngoài nhập cảnh sẽ tăng, đặc biệt, số người nhập cảnh bằng thị thực điện tử (không có cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh) sẽ ngày càng nhiều,đòi hỏi công tác quản lý cư trú của người nước ngoài phải được tăng cường hơn nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng chính sách thông thoáng về nhập xuất cảnh của Việt Nam để hoạt động vi phạm pháp luật. Do vậy, dự thảo Luật sửa đổi tên Chương VII, sửa đổi 03 điều và bổ sung 01 điều Luật số 47 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 49) để tăng cường công tác quản lý cư trú người nước ngoài tại Việt Nam nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam; cụ thể như sau:

***5. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:***

*“****Điều 33. Khai báo tạm trú***

*1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm* *yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý người nước ngoài tạm trú.*

*2. Cơ sở lưu trú du lịch là khách sạn thực hiện việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử. Cơ sở lưu trú khác khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử hoặc Phiếu khai báo tạm trú.*

*Trường hợp khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Phiếu khai báo tạm trú, người khai báo tạm trú ghi thông tin vào Phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn là 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú.*

*3. Người nước ngoài thay đổi nơi tạm trú hoặc tạm trú ngoài địa chỉ ghi trong thẻ thường trú hoặc khi có sự thay đổi thông tin trong hộ chiếu phải khai báo tạm trú theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.*

***6. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 Điều 44 như sau:***

*“đ) Xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.”.*

***7. Sửa đổi, bổ sung tên Chương VII như sau:***

*“Quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài; quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.*

***8. Bổ sung Điều 45a vào sau Điều 45 như sau:***

*“****Điều 45a. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan***

*Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất.”.*

Trên đây là Bản thuyết minh về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam./.

1. Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 22/12/2022 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông báo số 05/TB-VPCP ngày 06/01/2023 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị thúc đẩy thu hút khách du lịch quốc tế vào Việt Nam. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 22/12/2022 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-3)